TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT
Ngày 14 - 5 - 2019
V/v: Tranh chấp tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lò Văn Điệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hải, ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***:** Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về Tranh chấp tài sản sau ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị X. Địa chỉ: Bản Muôn A, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lò Văn Q. Địa chỉ: Bản O, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Lò Văn Đ. Địa chỉ: Bản Muôn A, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Lò Văn K. Địa chỉ: Bản O, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Lò Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị X trình bày:

Ngày 09/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Q Nhai ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh Lò Văn Q. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận chia nhau theo biên bản cam kết lập ngày 19/4/2018, do anh Lò Văn Q không thực hiện nên chị X đã có đơn K kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn gồm các loại tài sản sau:

- Đối với tài sản xác định giá trị gồm: 01 cặp bò, trong đó con bò mẹ trị giá 10.000.000đ; con bò con (bê) trị giá 4.000.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic mua năm 2016 giá 4.000.000đ, xác định giá trị còn lại 50% trị giá 2.000.000đ; 01 tủ chăn đệm khung nhôm mua năm 2016 giá 3.500.000đ, xác định giá trị còn lại 50% trị giá 1.750.000đ; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ nghiến mua năm 2016 giá 4.000.000đ, xác định giá trị còn lại 50% trị giá 2.000.000đ; 01 nồi cơm điện trị giá 400.000đ; 01 nồi quân dụng 60 lít trị giá 400.000đ; 01 chậu nhôm to trị giá 100.000đ, tổng giá trị tài sản là 20.650.000đ.

- Đối với số tài sản không xác định giá trị gồm: 12 chiếc đệm bằng bông gạo rộng 70cm, dài 1,8m; 12 cái chăn rộng 70cm, dài 1,8m; 12 cái gối; 60 cái bát sứ to; 20 cái bát sứ nhỏ; 11 cái chậu nhôm nhỡ; 05 chiếc nồi nhỡ.

Toàn bộ khối tài sản trên, nguồn gốc là do bố mẹ chị tặng cho khi sang nhà chồng nên đề nghị chia cho anh Q 1/3 còn lại 2/3 là của chị.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn anh Lò Văn Q trình bày:

Về tài sản chung và giá trị từng loại tài sản nhất trí với lời khai của chị X tại phiên hòa giải. Tuy nhiên, anh không chấp nhận việc chia tài sản chung như đề nghị của chị X. Nếu chị X hoàn trả cho gia đình anh toàn bộ số tiền đã bỏ ra chi phí cho đám cưới, tổng số tiền là 80.450.000đ thì anh đồng ý trả cho chị X số tài sản theo bản cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn Đ trình bày:

Số tài sản cháu X yêu cầu Tòa án giải quyết là của vợ chồng ông mua sắm cho con gái từ năm 2016 cụ thể: 01 con bò cái giá 10.000.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic giá 4.000.000đ; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ nghiến giá 4.000.000đ; 01 tủ chăn đệm khung nhôm giá 3.500.000đ; 06 chiếc đệm vải len bằng bông gạo; 06 chiếc đệm vải hoa bằng bông gạo; 12 cái chăn vỏ nhung ruột bông; 12 cái gối; 01 nồi cơm điện giá 400.000đ; 01 nồi quân dụng 60 lít giá 400.000đ; 01 chậu nhôm to giá 100.000đ; 11 cái chậu nhôm nhỡ giá 330.000đ; 05 chiếc nồi nhỡ giá 150.000đ; 60 cái bát to giá 480.000đ; 20 cái bát nhỏ giá 80.000đ, số tài sản này để cho con gái đem về nhà chồng. Do hai người ly hôn nên xin được lấy

lại 2/3 số tài sản nêu trên, còn lại 1/3 để lại cho anh Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn K trình bày:

Khi về nhà chồng chị X có đem theo số tài sản đúng như lời khai của chị X và ông Đ trình bày. Sau khi cưới vợ chồng (hai con) ở với bố mẹ chồng nên toàn bộ tài sản hiện nay ông và anh Q đang quản lý, sử dụng. Việc chia tài sản ông đề nghị xem xét chia theo phát luật.

Tại bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q Nhai đã quyết định:

1. Công nhận số tài sản gồm: 01 cặp bò (bò mẹ, bò con), 01 tủ lạnh, 01 tủ đựng chăn đệm, 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ nghiến, 01 nồi cơm điện, 01 nồi quân dụng, 12 đệm, 12 chăn, 12 gối, 01 chậu nhôm to, 60 cái bát sứ to, 20 cái bát sứ nhỏ, 11 chậu nhôm nhỡ, 05 nồi nhôm nhỡ là tài sản chung của chị Lò Thị X, anh Lò Văn Q.

2. Áp dụng Điều 579, 580, 582 của Bộ luật dân sự, Điều 59, 60 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận đơn K kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Lò Thị X. Buộc anh Lò Văn Q phải hoàn trả lại các loại tài sản cho chị Lò Thị X như sau:

- Chị Lò Thị X được lấy lại 01 con bò cái (mẹ lông màu vàng) giá trị 10.000.000đ; giao con bò cái (mẹ) kèm theo 01 con bò con (bê chưa cai sữa) cho chị X chăm sóc (chăn nuôi) cho đến khi con bò con (bê cai sữa) trên 12 tháng tuổi thì hoàn trả lại con bò con (bê) cho anh Lò Văn Q vào tháng 3 năm 2019.

- Chị Lò Thị X được sở hữu: 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 2.000.000đ; 01 tủ chăn đệm trị giá 1.750.000đ; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ nghiến trị giá 2.000.000đ; 01 nồi cơm điện giá 400.000đ; 01 nồi quân dụng 60 lít giá 400.000đ; 01 chậu nhôm to giá 100.000đ; 08 chiếc đệm bằng bông gạo, 08 cái chăn, 08 cái gối; 40 cái bát to, 20 cái bát nhỏ, 07 cái chậu nhôm nhỡ, 03 cái nồi nhôm nhỡ, tổng giá trị tài sản chị X được chia 6.650.000đ. Chị X phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Q số tiền là 3.200.000đ.

- Anh Lò Văn Q được sở hữu: 04 chiếc đệm bằng bông gạo, 04 cái chăn, 04 cái gối; 20 cái bát to, 05 cái chậu nhôm nhỡ, 02 cái nồi nhôm nhỡ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/11/2018 anh Lò Văn Q có đơn kháng

cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm. Nội dung trong quá trình giải quyết vụ án tài sản chung của vợ chồng tôi đề nghị chia theo pháp luật, đối với chiếc xe máy mua giá 21 triệu từ tiền mừng đám cưới và vay thêm 03 triệu nhưng không xác định là tài sản chung. Tài sản có tranh chấp không được định giá, Tòa chỉ căn cứ vào lời khai của chị X tính giá trị còn lại 50% để chia là không có căn cứ. Đối với con bê chia cho tôi giá 04 triệu chưa cai sữa nhưng lại giao cho chị X chăn nuôi là không có tính khả thi.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản chung có chiếc xe máy và đưa vào để chia, định giá tất cả tài sản để chia cho chính xác. Đối với tài sản là 02 con bò phải chia bằng tiền mới có tính khả thi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn anh Lò Văn Q, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đối với 02 con bò và chiếc xe máy đã được định giá cần xác định là tài sản chung và yêu cầu chia đôi theo kết quả định giá.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Ông K nhất trí như lời trình bày của anh Q.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn, không chấp nhận chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng. Khi về nhà chồng do tôi không có phương tiện đi lại nên bố tôi (ông Đ) có đưa cho tôi số tiền 18.000.000đ để mua, xe đăng ký mang tên tôi. Nguồn gốc số tiền này là của bố mẹ tôi không phải là tiền mừng đám cưới như anh Q trình bày. Đối với 02 con bò tôi nhất trí là tài sản chung nhưng chỉ chấp nhận chia cho anh Q 1/3 theo kết quả định giá.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên: Ông Đ nhất trí như lời trình bày của chị X, khi đưa tiền cho con gái để mua xe có mặt ông K và anh Q, tôi nói là cho cháu X để có phương tiện đi lại.

Kiểm sát viên phát biểu, quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, sửa 01 phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q Nhai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tài sản chung chị Lò Thị X, anh Lò Văn Q đã thống nhất, được Tòa án cấp sơ thẩm công nhận gồm các loại tài sản sau: 01 cặp bò (bò mẹ, bò con), 01 tủ lạnh, 01 tủ đựng chăn đệm, 01 bộ bàn ghế salon bằng gỗ nghiến, 01 nồi cơm điện, 01 nồi quân dụng, 12 đệm, 12 chăn, 12 gối, 01 chậu nhôm to, 60 cái bát to, 20 cái bát nhỏ, 11 chậu nhôm nhỡ, 05 nồi nhôm nhỡ.

Về nguồn gốc có khối tài sản trên, do anh Lò Văn Q (bố mẹ chồng) thực hiện việc tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc, khi về nhà chồng thì được (bố mẹ vợ) tặng cho vợ chồng tài sản để làm của hồi môn.

Đối với số tài sản xác định được giá trị gồm: 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 2.000.000đ; 01 tủ chăn đệm khung nhôm trị giá 1.750.000đ; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ nghiến trị giá 2.000.000đ; 01 nồi cơm điện trị giá 400.000đ; 01 nồi quân dụng 60 lít trị giá 400.000đ; 01 chậu nhôm to trị giá 100.000đ, tổng giá trị tài sản là 6.650.000đ. Toàn bộ số tài sản này Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị X được sở hữu, chị X có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Q số tiền là 3.200.000đ, tương ứng với việc chia đôi.

Đối với số tài sản không xác định giá trị gồm: 12 chiếc đệm bằng bông gạo; 12 cái chăn; 12 cái gối; 60 cái bát sứ to; 20 cái bát sứ nhỏ; 11 cái chậu nhôm nhỡ; 05 chiếc nồi nhỡ. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị X được sở hữu 2/3 còn lại 1/3 giao cho anh Q được sở hữu.

Toàn bộ số tài sản nêu trên các đương sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị cần được giữ nguyên.

[2] Xét kháng cáo của anh Lò Văn Q đối với tài sản chung đang có tranh chấp gồm: 01 chiếc xe máy, 02 con bò (con bò mẹ và con bê con), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với chiếc xe máy là do ông Đ (bố vợ) đưa cho chị X số tiền là 18 triệu đồng, để mua xe làm phương tiện đi lại. Việc ông Đ đưa tiền cho chị X anh Q thừa nhận là có thực tế, phù hợp với lời khai của chị X và ông Đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chiếc xe máy không phải tài sản chung, thuộc tài sản riêng của chị X được tặng cho nên không chia là có căn cứ. Hiện tại xe máy chị X đang giữ, còn giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Lò Thị X anh Q đang giữ buộc trả lại cho chị X.

Đối với 02 con bò được xác định là tài sản chung, tại cấp sơ thẩm không thực hiện việc định giá. Tại cấp phúc thẩm đã được khắc phục bổ sung, tại biên bản thông báo kết quả định giá ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá: 01 con bò cái đã phối giống có giá 11,333.000đ; 01 con bê con 09 tháng tuổi có giá 2.300.000đ. Tổng giá trị tài sản 02 con bò đang có tranh chấp là 13.633.000đ,

cần được chia đôi. Giao cho chị X được sở hữu 02 con bò và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho anh Q số tiền là 6.816.500đ.

Tổng số tiền chị X phải trả chênh lệch tài sản cho anh Q gồm: tiền bò 6.816.500đ + 3.200.000đ (tài sản) = 10.016.500đ.

Từ sự phân tích nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn Q, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q Nhai.

[3] Về án phí: Anh Lò Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận một phần, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại theo phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Lò Văn Q, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/HNGĐ-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q Nhai, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận đơn K kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của chị Lò Thị X.

- Giao cho chị Lò Thị X được sở hữu: 02 con bò (01 con bò mẹ, 01 con bê con) trị giá 13.633.000đ; 01 tủ lạnh Panasonic trị giá 2.000.000đ; 01 tủ chăn đệm trị giá 1.750.000đ; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ nghiến trị giá 2.000.000đ; 01 nồi cơm điện giá 400.000đ; 01 nồi quân dụng 60 lít giá 400.000đ; 01 chậu nhôm to giá 100.000đ; 08 chiếc đệm bằng bông gạo, 08 cái chăn, 08 cái gối; 40 cái bát to, 20 cái bát nhỏ, 07 cái chậu nhôm nhỡ, 03 cái nồi nhôm nhỡ. Tổng giá trị tài sản chị X được được sở hữu là 20.283.000đ, chị X phải có trách nhiệm thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Q là 10.016.500đ *(mười triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng)*, số tiền chị X còn được hưởng là 10.266.500đ *(mười triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng).*

- Giao cho anh Lò Văn Q được sở hữu: 04 chiếc đệm bằng bông gạo; 04 cái chăn; 04 cái gối; 20 cái bát to; 05 cái chậu nhôm nhỡ; 02 cái nồi nhôm nhỡ, được nhận số tiền 10.016.500đ, do chị X thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản. Tổng giá trị tài sản anh Q được sở hữu là 10.016.500đ *(mười triệu không trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).*

2. Buộc anh Lò Văn Q, ông Lò Văn K (bố anh Q) trả lại số tài sản giao cho chị Lò Thị X được sở hữu (số tài sản này anh Q, ông K đang quản lý).

- Buộc anh Lò Văn Q trả cho chị Lò Thị X giấy chứng nhận đăng ký xe

mô tô, xe máy BKS 26B2-168.05 mang tên Lò Thị X.

3. Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 513.000đ, được khấu trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 02282 ngày 20/6/2018, còn được nhận lại số tiền là 87.000đ *(tám mươi bảy nghìn đồng)*, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

- Anh Lò Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 500.000đ, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lại thu số: 0001707 ngày 10/12/2018, được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp, còn phải nộp tiếp số tiền là 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)*, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lò Văn Điệt